

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 14 /2022/DSPT

Ngày 21/9/2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu.

Các thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thiện

Bà Trần Thị Thu Hiền

- Th ký phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh - Th ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 do có kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Gia L, bị đơn ông Đoàn Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; theo Quyết định đưa ra xét xử số 14/2022/QĐXX-PT ngày 26/8/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 30/2022/TBMLPT – DSPT ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Gia L, sinh năm 1942; Địa chỉ: Xóm 6, xã Ph, huyện H tỉnh Hà Tĩnh; (Có mặt).

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1956; Địa chỉ: Xóm 6, xã Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; (Vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu Ph; địa chỉ: Số nhà 835, đường Tr, thôn T, xã Th, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Đình L, Luật sư - Công ty Luật TNHH M, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh; (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Th; sinh năm: 1956; Địa chỉ: Xóm 6, xã Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; (Có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Trần Thị H; Công ty Luật TNHH H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh, địa chỉ số 02H V, phường Tr, thành phố

H, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Phan Văn C, Luật sư - Công ty Luật TNHH H, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh, địa chỉ số 02H V, phường Tr, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh: Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Xuân N - Chức vụ: Chủ tịch, người đại diện theo ủy quyền ông Trần Quốc B - Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường; (Có mặt).

+ UBND xã Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh: Người đại diện theo pháp luật ông Võ Văn L - Chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Trí V - Chức vụ: Công chức địa chính (Có mặt).

+ Bà Trần Thị L; địa chỉ: Xóm 6, xã Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Ông Phạm Xuân L; địa chỉ: Xóm 4, xã Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; (Có mặt)

+ Ông Võ Văn Đ, ông Đặng Văn Th; địa chỉ: Đều trú tại xóm 6, xã Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2021, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Gia L, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 1988, gia đình ông L, bà L lên sống ở ngã ba Ph trên diện tích đất do ông L vỡ hoang, cải tạo với diện tích khoảng 1000m². Đến năm 1994, UBND xã Ph lấy đất của ông, bà để xây dựng Bưu điện Ph. Sau khi UBND xã lấy đất, ngày 20/8/1995 ông L làm đơn xin cấp đất ở và ngày 20/10/1996 được UBND xã Ph xác nhận đồng ý giao cho ông ô đất số 28 với diện tích là 500m² (trong đó có 300m² đất ở và 200m² đất lưu không), có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường 15A dài 10m; Phía Tây giáp đồng lúa dài 10m; Phía Bắc giáp ô đất số 27 dài 50m; Phía Nam (cách đường Đồng Đại dài 15m) dài 50m. Do đặc điểm địa hình đất được cấp thấp hơn so với đường nên ông đã cải tạo, đổ đất với diện tích khoảng 1.500m² để chống lụt và được UBND xã cho phép, có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp. Năm 2000, nhà nước mở đường Hồ Chí Minh gia đình ông được Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện đền bù và hỗ trợ phần đất thu hồi. Năm 2012 khi nâng cấp Quốc lộ 15A đoạn Khe Giao - Ph gia đình ông cũng được hỗ trợ và đền bù lần hai phần đất bị thu hồi.

Năm 2004 ông có chuyển nhượng cho ông Trần Đình T quê ở xã H, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh 70m² đất (chiều rộng 07m và chiều dài 10m), ông Tr đã làm nhà cho vợ sinh sống trên phần diện tích đất này. Đến năm 2008 thì ông Trần Đình Tr đã chuyển nhượng lại toàn bộ cho chị Nguyễn Thị L 70m² đất nhận chuyển nhượng của ông L từ năm 2004 và các tài sản trên đất. Cũng trong năm 2008 chị L mua thêm của ông phần đất có diện tích 30m² (rộng 03m, dài 10m) đầu nối với đất ông Tr.

Sau khi chuyển nhượng đất cho bà L, thì mảnh đất của gia đình ông L chia làm 02 thửa: Thửa thứ nhất có diện tích 267m², thuộc thửa 319, tờ bản đồ 64 đo đạc năm 2013, thửa đất này hiện đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà L với diện tích được cấp là 218,6m². Thửa thứ hai có diện tích 425m², thuộc thửa 316, tờ bản đồ 64, đo đạc năm 2013.

Năm 2012, ông Đoàn Th có đơn tranh chấp với ông L, vì ông Th cho rằng ông L đổ đất cải tạo lấp ruộng của ông với diện tích là 166m² ở xứ đồng C. Năm 2015, UBND xã Ph đã trả lời trực tiếp và bằng văn bản với ông Th khẳng định: Thửa đất ở xứ đồng C không đưa vào chuyển đổi vì không phù hợp với sản xuất nông nghiệp nữa mà đưa vào quỹ đất do Ủy ban quản lý, bên cạnh đó suất đất của hộ ông Đoàn Th đã đảm bảo theo tiêu chuẩn mặt bằng chung của xóm mà hộ đã kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 02/11/2017, trên cơ sở đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông L, UBND xã Ph đã vẽ đo vẽ phần diện tích đất ở thửa 316 để xây dựng hồ sơ cấp đất cho ông L. Nhưng sau đó vào ban đêm ông Th đã thuê xe tiến hành đổ đất lấp ruộng thoát nước và cho máy cào hết toàn bộ cây lưu niên của ông L (cây bưởi, cam, nhãn, chuối, môn...), một thời gian sau thì cũng vào ban đêm ông Th đã dựng một ngôi nhà với diện tích khoảng 30m² trái phép lên phần đất của ông L. Hành vi này của ông Th đã bị UBND xã lập biên bản và ra Quyết định xử phạt hành chính với số tiền 2.500.000đ và buộc ông Th phải tháo dỡ nhà.

Tuy nhiên, từ đó cho đến nay ông Th vẫn không thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBND xã Ph, và chính quyền địa phương cũng không hoàn thiện hồ sơ cấp đất cho gia đình ông L với lý do đất đang có tranh chấp. Do vậy, ông L, bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án: Công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 316, tờ bản đồ 64, đo đạc năm 2013 với diện tích 425m² tại xóm 6, xã Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông L, bà L; Buộc hộ ông Đoàn Th phải tháo dỡ toàn bộ nhà, công trình xây dựng trái phép trên phần diện tích đất này.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*, trình bày: Theo quan điểm của chính quyền địa phương cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì phần diện tích đất ruộng trồng lúa hộ gia đình ông Đoàn Th tại xứ C, xã Ph đã

được bồi Thông nên gia đình ông Th không còn quyền sử dụng đất tại đây nữa. Còn đất của gia đình ông Trần Gia L, mặc dù được giao với diện tích 500m², nhưng quá trình sử dụng thì gia đình ông L đã thực hiện việc san lấp, coi nói tôn tạo thêm, quá trình thực hiện việc tôn tạo, coi nói chính quyền địa phương cũng các hộ dân không ai có ý kiến gì, mãi đến năm 2012 ông Th mới đứng ra tranh chấp, nhưng ông Th cũng không khởi kiện mà chỉ có ý kiến với chính quyền địa phương. Do vậy, có đủ căn cứ để khẳng định toàn bộ phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông Trần Gia L.

- Bị đơn ông Đoàn Th và người đại diện theo ủy quyền của của ông Th trình bày:

Năm 1991, gia đình ông được UBND xã Ph giao cho thửa ruộng có diện tích 1 sào 5 Thóc tại vùng C, xã Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Trong quá trình sử dụng đất, đầu năm 1998, Nhà nước xây dựng Kênh phụ sông Tiêm đi vào thửa đất này của gia đình ông, làm ảnh hưởng một phần diện tích khoảng 350m² đến 400m² và UBND xã giao cho Hợp tác xã M bù đất nơi khác cho gia đình ông ở phần ảnh hưởng này. Còn phần diện tích còn lại 166m² tại thửa ruộng vùng C này không bị ảnh hưởng, không bị thu hồi thì được ghi vào Sổ 05 tháng 10/1998 của UBND xã Ph, chủ sử dụng là “Đoàn Th” và gia đình ông tiếp tục sử dụng ổn định phần diện tích 166m² này (nay là một phần diện tích đất tại thửa 316, tờ bản đồ 64, thuộc thôn 6, xã Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh). Đến năm 2000 - 2001, khi Nhà nước làm đường Hồ Chí Minh không ảnh hưởng đến phần diện tích 166m² tại thửa đất vùng C của gia đình ông nên gia đình ông không được đền bù gì ở thửa đất ở vùng C này mà khi đó do ông làm xóm trưởng nên đã đứng ra nhận 2.596.000đ, tiền đền bù hai thửa ruộng công ích của UBND xã Ph ở đập Tr và đập C diện tích 742m² rồi nộp lại cho ngân sách xã.

Đối với thửa đất của gia đình ông Trần Gia L, bà Nguyễn Thị L thì năm 1996 được UBND xã Ph cấp tại vùng quy hoạch thị tứ của UBND huyện ở lô số 28, diện tích 500m², trong đó 200m² đất lưu không và 300m² đất ở, có chiều dài 50m được tính từ mép đường 15A cũ, hiện tại do mở rộng đường là tâm đường Quốc lộ 15A mới. Khi UBND xã Ph giao đất cho gia đình ông Trần Gia L, bà Nguyễn Thị L thì đo đất giao từ mép đường Quốc lộ 15A cũ (nay là tâm đường 15A mới) đi vào dài 50m là chỉ đo đến bờ ruộng ở vùng Cồn H (bờ phía Đông) của gia đình ông. Lúc đó giữa ruộng của gia đình ông và đất giao cho gia đình của ông Trần Gia L chênh lệch chiều cao hơn 1,5m (đất giao ở cao, ruộng ở phía thấp), nên chỉ đo đến hết đất màu quy hoạch thị tứ 50m chứ không đo cả ruộng của gia đình ông Th. Hơn nữa, gia đình ông Trần Gia L, bà Nguyễn Thị L chỉ được giao diện tích 500m² tại ô số 28 nhưng trong quá trình sử dụng đất thì gia đình ông Trần Gia L đã được đền bù 2 lần (làm đường Hồ Chí Minh và mở rộng Quốc lộ 15A) với tổng diện tích là 702,43m² và

chuyển nhượng cho ông Tr, bà L 100m² đất ở. Như vậy tổng diện tích của gia đình ông Trần Gia L, bà Nguyễn Thị L đã bị thu hồi và chuyển nhượng là 802,43m² trong khi diện tích đất được giao chỉ có 500m².

Do vậy, việc ông Trần Gia L, bà Nguyễn Thị L cho rằng toàn bộ diện tích đất tại thửa 316, tờ bản đồ 64, diện tích 425m² là của ông L, bà L và buộc phía gia đình ông phải tháo dỡ nhà ở, công trình để trả lại đất cho gia đình ông L, bà L là không có căn cứ và ông không chấp nhận vì gia đình ông sử dụng trên phần diện tích đất đã được chính quyền giao.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*, trình bày bổ sung nội dung:

Về tài liệu nguyên đơn dùng để khởi kiện là đơn xin cấp đất, nhưng xác nhận của UBND xã vào đơn xin cấp đất này chỉ là đề nghị giao đất, chứ không phải là đồng ý cấp đất, và sau đó thực tế UBND huyện chưa làm thủ tục cấp đất cho gia đình ông L và ông L cũng chưa thực hiện nghĩa vụ về tài chính, do vậy đơn xin cấp đất này chưa phát sinh quyền sử dụng đất đối với gia đình ông Trần Gia L. Còn về việc ông L thực hiện việc coi nói, tôn tạo đất về phía Tây là hoàn toàn trái quy định của pháp luật, phần diện tích phía Tây là giáp với đồng lúa thì không thể được quyền coi nói, do đó không thể có việc diện tích tăng thêm về phía Tây.

Xét diện tích trong đơn xin cấp đất của ông L rất rõ ràng, và qua các lần bồi Thờng thể hiện phần diện tích đất của ông L đã được bồi Thờng vượt quá phần diện tích đất ở và đất lưu không, do đó gia đình ông L sẽ không còn quyền sử dụng đối với phần diện tích đất đang tranh chấp. Việc xác định phần chiều sâu đất 50m của gia đình ông L trên cơ sở trừ đi phần diện tích đất đã thu hồi khi giải phóng mặt bằng là không phù hợp và không có cơ sở.

Còn phần diện tích đất ruộng trồng lúa của ông Đoàn Th, thực tế khi làm nương sông tiêm vào năm 1998 đã thu hồi đi phần diện tích khoảng 300m² đến 400m² và còn lại 166m² đã được ghi vào Sổ 05, hiện nay vẫn chưa có quyết định nào thu hồi đối với phần diện tích đất này. Các tài liệu do nguyên đơn và UBND huyện cung cấp không đủ căn cứ để khẳng định phần diện tích đất 742m² là bồi Thờng cho đất ruộng trồng lúa tại xứ C cho gia đình ông Đoàn Th. Do vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông L, cũng như quan điểm ý kiến của UBND xã Ph và huyện H để xác định phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Đoàn Th.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:*

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H khẳng định toàn bộ phần diện tích đất ruộng trồng lúa của hộ ông Đoàn Th tại xứ C, xã Ph đã được bồi Thờng đầy đủ khi tiến hành làm đường mòn Hồ Chí Minh, không có ai khiếu nại gì về việc đền bù và sau đó dự án làm đường mòn Hồ Chí Minh đã được triển khai trên thực tế, nên hộ

ông Đoàn Th không còn có bất cứ quyền sử dụng đất nào đối với phần ruộng trồng lúa tại xứ Cồn Hoang. Còn đối với phần diện tích đất của hộ ông Trần Gia L có liên quan đến nguồn gốc đất giao sai thẩm quyền, nhưng thực tế ông L đã có quá trình sử dụng đất ổn định, có tôn tạo, coi nói mở rộng đối với phần diện tích đất mà ông được giao. UBND huyện cũng đã có 02 lần bồi Thờng cho gia đình ông L. Do vậy, đề nghị Tòa án trên cơ sở xem xét phần diện tích đất thực tế gia đình ông L được giao, phần diện tích đất coi nói và quy định của pháp luật để giải quyết. Còn những phần diện tích đất nào đang tranh chấp nhưng đã được UBND huyện đền bù trong quá trình giải phóng mặt bằng thì đề nghị Tòa án giao lại cho chính quyền địa phương để tiếp tục sử dụng, quản lý theo quy định.

UBND xã Ph đồng quan điểm như đại diện UBND huyện. Phần đất ruộng trồng lúa của hộ ông Đoàn Th tại xứ C đã được bồi Thờng đầy đủ, nên hộ gia đình ông Th không còn quyền sử dụng đối với diện tích đất ruộng trồng lúa tại đây. Đất của ông L trong đơn xin cấp chỉ là 500m² nhưng quá trình sử dụng thì ông đã nhượng lại cho người khác, cũng như đã được bồi Thờng với tổng diện tích hơn 800m², hiện nay gia đình ông L cũng đang còn lại một phần diện tích đất không có tranh chấp, cũng như một phần diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án do các bên xuất trình để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Phần diện tích đất nào nếu đã được UBND huyện bồi Thờng khi giải phóng mặt bằng, nay giao lại cho UBND xã quản lý thì xã sẽ tiếp quản, quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 157; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 169 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, khoản 1 Điều 203; Điều 157, 166, 170 Luật đất đai; Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Gia L, bà Nguyễn Thị L

2. Ông Trần Gia L, bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng phần diện tích đất 233,3m² được xác định bởi các điểm 4,6,10,12 theo sơ đồ thẩm định. Buộc ông Đoàn Th phải dời dờn, tháo dỡ ngôi nhà gỗ 09 cột, được Thng bằng ván, lợp Frô-xi măng, nền đất, nằm trên phần diện tích đất này.

Ông Trần Gia L, bà Nguyễn Thị L được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Giao cho UBND xã Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh quản lý, sử dụng phần diện tích đất 126,4m² được xác định bởi các điểm 6, 7, 9, 10 theo sơ đồ thẩm định.

(Có sơ đồ kèm theo Bản án)

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu tổng số tiền 5.148.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này, nay bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.574.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 12/7/2022, bị đơn ông Đoàn Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lương đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm;

Ngày 20/7/2022, nguyên đơn ông Trần Gia L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị công nhận cho ông Trần Gia L được quyền sử dụng phần diện tích đất 126,4 m² mà bản án sơ thẩm đã giao cho UBND xã Ph quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Gia L vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, nội dung kháng cáo. Bị đơn ông Đoàn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện H, UBND xã Ph vẫn giữ nguyên các quan điểm đã trình bày như tại cấp sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, HĐXX, Th ký phiên tòa đã đề nghị không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 04/7/2022 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của nguyên đơn ông Trần Gia L và bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 20/10/1996 gia đình ông bà được UBND xã Ph xác nhận đồng ý giao cho ô đất số 28 với diện tích là 500m² (trong đó có 300m² đất ở và 200m² đất lưu không). Sau khi được giao đất ông L, bà L đã có thời gian sử dụng ổn định, được UBND huyện H xem xét bồi Thờng giải phóng mặt bằng 02 lần với tổng diện tích là 702,43m², trong đó có 306,28m² đất ở

và 396,15m² đất trồng cây lâu năm (năm 2002 khi làm đường mòn Hồ Chí Minh và năm 2012 khi cải tạo nâng cấp Quốc lộ 15A) và được cho phép chuyển nhượng cho người khác hai lần (năm 2004 chuyển nhượng cho ông Trần Đình Tr, trú tại xã H, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh phần diện tích 70m² (7mx10m) và năm 2008 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L, trú tại xã Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh với phần diện tích 30m² (3mx10m); hiện bà Nguyễn Thị L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời vào năm 2021 ông L, bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích là 218,6m² (trong đó có 115,9m² đất ở và 102,7m² đất trồng cây lâu năm). Do vậy có thể khẳng định ông L, bà L đã xác nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với phần diện tích đất 500m² theo đơn xin cấp đất ngày 20/8/1995 và được UBND xã Ph nhất trí giao đất vào ngày 20/10/1996.

[2.2] Về diện tích đất 500m² của ông L, bà L theo đơn xin cấp đất ngày 20/8/1995 và được UBND xã Ph nhất trí đề nghị giao đất vào ngày 20/10/1996, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường 15A dài 10m; Phía Tây giáp đồng lúa dài 10m; Phía Bắc giáp ô đất số 27 dài 50m; Phía Nam (cách đường Đ dài 15m) dài 50m. Với tứ cận này thì có thể khẳng định trong phần diện tích đất của ông L, bà L có 03 phía mà trong quá trình sử dụng ông L, bà L không được quyền coi nói, tôn tạo thêm để sử dụng được đó là về phía Đông, phía Tây và phía Bắc, bởi vì 03 phía này đều giáp những phần đất thuộc quyền quản lý của cơ quan có thẩm quyền và hộ liền kề. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định quyền sử dụng đất của gia đình ông L không thể vượt quá phần chiều dài 50m (từ mép đường 15A cũ đến giáp ruộng lúa).

[2.3] Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy hiện nay không còn căn cứ để xác định vị trí chính xác của mép đường 15A cũ (ở phía Đông) và vị trí của ruộng lúa (phía Tây) trong phần đất cấp cho ông L, bà L, trên thực địa nằm ở đâu. Bởi vì vào năm 2012 đường 15A cũ đã được mở rộng và nâng cao nên không còn căn cứ để xác định mép đường 15A cũ hiện nay nằm ở đâu và phía ruộng lúa đã được đổ đất, nâng cao không thể xác định vị trí của ruộng lúa cũ.

[2.4] Xét phần chiều sâu 50m theo đơn xin cấp đất ngày 20/8/1995 thì ông L, bà L đã 02 lần bán với phần chiều sâu là 10m, đã được cấp đất vào năm 2021 với phần chiều sâu là 15,22m (bl 148) và đã được hai lần bồi Thờng với chiều sâu là 11,4m (làm đường mòn Hồ Chí Minh - Giai đoạn 1 được bồi Thờng 3m (bl 235) và khi nâng cấp, mở rộng đường 15A vào năm 2012 được bồi Thờng 8,4m (bl 118). Như vậy, trong chiều sâu 50m của ông L, bà L được quyền sử dụng, thì hiện nay còn 50m - (10m+15,22m+11,4m) = 13,38m. Và theo kết quả xem xét thẩm định thì phần chiều sâu 13,38m là từ điểm số 4 đến điểm số 6 (bl 184b), khoảng cách từ điểm số 4 đến điểm số 6 nếu tính theo đường thẳng là 13,38m, nhưng vì từ điểm số 4 đến điểm số 5 có gấp khúc (một phần 5,66m và một phần 2m), nên khoảng cách

theo thẩm định trên thực tế, tính theo đường cong từ điểm số 4 đến điểm số 6 có chiều dài là 13,61m là phù hợp.

[2.5] Phía bị đơn ông Đoàn Th cho rằng chiều dài (50m) trong diện tích ông L, bà L được giao đã thể hiện rõ chia làm hai phần, gồm phần lưu không 20m (tức là phần hành lang đường 15A cũ) và phần thuộc quyền sử dụng của ông L, bà L 30m. Vì mốc hành lang đường 15A từ trước tới nay là không thay đổi (hành lang của đường 15A cũ và đường 15A sau khi mở rộng), do đó phải lấy điểm mốc vị trí hành lang trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L, bà L vào năm 2021, tức là mốc số 2 (theo sơ đồ thẩm định BL 184b) kéo dài ra đường 15A hiện nay với khoảng cách là 20m để xác định phần lưu không trong đơn xin cấp đất của ông L, bà L, và phần diện tích còn lại của ông L, bà L là từ điểm số 2 (theo sơ đồ thẩm định BL 184b) kéo vào 30m. Ông Đoàn Th cho rằng mốc hành lang của đường 15A từ trước tới nay không thay đổi là không chính xác và không có căn cứ, bởi vì khi tiến hành mở rộng đường 15A cũ thì mốc hành lang của đường 15A mới (sau khi mở rộng) đã có sự điều chỉnh và thay đổi theo. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến về việc lấy điểm mốc vị trí hành lang trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L, bà L vào năm 2021, tức là mốc số 2 (theo sơ đồ thẩm định BL 184b) kéo dài ra đường 15A hiện nay với khoảng cách là 20m để xác định phần lưu không trong đơn xin cấp đất của ông L, bà L là chính xác.

[2.6] Như vậy, với phần diện tích đất của ông L, bà L đã được bồi Thông, được cấp và chuyển nhượng cho người khác như trên có đủ cơ sở để khẳng định phần diện tích đất của ông L, bà L đã được giao chiều dài 50m (từ điểm số 1 đến điểm số 6 của sơ đồ thẩm định BL 184b), và chia ra các phần như sau: Phần đất đã được bồi Thông từ điểm số 1 đến điểm số 2; Phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà L từ điểm số 2 đến điểm số 3; Phần đất ông L, bà L đã bán hiện thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị L (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) từ điểm số 3 đến điểm số 4; phần đất của ông L, bà L hiện đang sử dụng không có tranh chấp từ điểm số 4 đến điểm số 5; Phần đất đang tranh chấp giữa các bên từ điểm số 5 đến điểm số 6 (theo sơ đồ thẩm định BL 184b).

[2.7] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở khẳng định phần diện tích đất đang tranh chấp 111,9m² (bao gồm điểm số 5, 6, 10, 11 theo sơ đồ thẩm định BL 184b) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Trần Gia L và bà Nguyễn Thị L

[2.8] Đối với phần diện tích đất tranh chấp 126,4m² (bao gồm các điểm 6, 7, 9, 10 theo sơ đồ thẩm định BL 184b), ông L, bà L cho rằng đây là phần diện tích mà ông, bà đã tôn tạo, coi nói thêm trong quá trình sử dụng, nên phải thuộc quyền sử dụng của ông L, bà L, Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quá trình sử dụng thì ông L, bà L đã được bồi Thông 02 lần với tổng diện tích là 702,43m² (trong đó có

306,28m² đất ở và 396,15m² đất trồng cây lâu năm), đã chuyển nhượng cho hộ ông Trinh, bà Loan 100m² đất ở (BL 121-122), được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 218,6m² (trong đó có 115,9m² đất ở và 102,7m² đất trồng cây lâu năm) vào năm 2021 (BL 148), và hiện còn 121,4m² đất hiện nay không có tranh chấp (BL184b). Như vậy, tổng diện tích ông L, bà L đã chuyển nhượng, được bồi Thường, được cấp và hiện đang sử dụng không có tranh chấp là: 1.142,7m². Do đó, có đủ căn cứ để khẳng định trong quá trình sử dụng đất thì ông L, bà L đã có sự tôn tạo, coi nới thêm so với phần diện tích ban đầu 500m². Phần diện tích đất của ông L, bà L có 03 phía không thể thực hiện việc coi nới là phía Đông, Tây, Bắc. nên phần diện tích tăng thêm là do coi nới, tôn tạo về phía Nam. Việc ông L, bà L cho rằng quá trình sử dụng đất có coi nới, tôn tạo về phía Tây, tức là lấp đồng lúa, là vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng đất. Nên không có căn cứ để chấp nhận phần diện tích 126,4m² bao gồm các điểm 6, 7, 9, 10 (bl 184b) là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L, bà L

Theo đó cấp sơ thẩm nhận định ông L, bà L có quyền sử dụng đối với phần diện tích đất 233,3m² được xác định bởi các điểm 4,6,10,12 theo sơ đồ xem xét thẩm định (BL 184b), trong đó có 111,9m² đất đang tranh chấp và 121,4m² đất không tranh chấp; buộc ông Đoàn Thphải dời dọn, tháo dỡ ngôi nhà gỗ 09 cột, được Thng bằng ván, lợp Frô-xi măng, nền đất, nằm trên phần diện tích 233,3m² là có căn cứ, phù hợp thực tế sử dụng đất.

[2.9] Về việc xác định loại đất đối với phần diện tích 233,3m² được chấp nhận thuộc quyền sử dụng của ông L, bà L xét thấy: Theo đơn xin cấp đất ngày 20/8/1995 và được UBND xã Ph nhất trí đề nghị giao đất vào ngày 20/10/1996 chỉ có diện tích là 500m², trong đó có 300m² đất ở, và 200m² đất lưu không. Qua các lần bồi Thường thì đã bồi Thường vượt quá hạn mức đất ở của L, bà L đã được giao (đã được bồi Thường 306,28m² đất ở). Mặt khác quá trình làm thủ tục cấp đất vào năm 2021 thì ông L, bà L đã phải nộp số tiền 69.540.000đ để được công nhận 115,9m² đất ở (BL168). Do đó, có đủ căn cứ để khẳng định phần diện tích 233,3m² được xác định thuộc quyền sử dụng của ông L, bà L (trong đó có đất 111,9m² đang tranh chấp và 121,4m² đất không tranh chấp) không phải là đất ở.

[2.10] Ý kiến của phía bị đơn ông Đoàn Th cho rằng toàn bộ phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn, Hội đồng xét xử, xét thấy:

- Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì xác định phần diện tích đất đang tranh chấp giáp với Kênh sông Tiêm (về phía Tây), quá trình giải quyết vụ án thì phía nguyên đơn, bị đơn và UBND xã Ph cũng đều thừa nhận là có việc UBND xã cấp bù cho gia đình ông Đoàn Th 500m² tại khu vực Lôi Xuôi khi xây dựng Kênh sông Tiêm vào năm 1998; theo Sổ 05 lập năm 2018 do phía bị đơn cung cấp thì có thể

hiện ông Đoàn Th có 500m² tại đồng Lối Xuôi (BL 71). Do vậy, có đủ căn cứ để xác định việc ông Đoàn Th được cấp bù một phần diện tích 500m² đất ruộng tại khu vực Lối Xuôi vào năm 1998 khi tiến hành xây dựng Kênh sông Tiêm là hoàn toàn đúng với thực tế khách quan.

- Trong Sổ 05 lập năm 2018 thể hiện ông Đoàn Th còn 166m² đất ruộng tại Cồn Hoang, do đó có căn cứ để khẳng định đến thời điểm năm 1998 trên sổ sách quản lý của UBND xã Ph thì bị đơn ông Đoàn Th còn 166m² tại khu vực C.

[2.11] Về ý kiến của ông Đoàn Th đối với việc nhận số tiền bồi Thường 2.596.000đ, tương đương với phần diện tích 742m². Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã có yêu cầu UBND huyện H cung cấp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ bồi Thường giải phóng mặt bằng liên quan đến phần đất đã bồi Thường cho hộ ông Đoàn Th khi tiến hành làm đường mòn Hồ Chí Minh, nhưng UBND huyện H đã không cung cấp được đầy đủ. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Gia L xuất trình cho Tòa án bản phô tô Biên bản đền bù thu hồi đất ngày 05/5/2002 của Ban giải phóng mặt bằng huyện H đối với hộ ông Đoàn Th, do đây là bản phô tô nên trước phiên tòa, Tòa án không thể xác định là tài liệu này là hợp pháp để đưa vào hồ sơ xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, trong bản tự khai phía bị đơn ông Đoàn Th đã thừa nhận có việc ông được bồi Thường 742m² với số tiền 2.596.000đ là hoàn toàn trùng khớp với diện tích và số tiền có trong Bản đền bù thu hồi đất ngày 05/5/2002 (bản phô tô) do ông L xuất trình. UBND huyện H, UBND xã Ph và phía nguyên đơn ông Trần Gia L đều thừa nhận bản phô tô trên là tài liệu phản ánh đúng sự thực khách quan, đồng thời Biên bản đền bù thu hồi đất ngày 05/5/2002 do ông L xuất trình hoàn toàn giống nhau về mặt hình thức với Biên bản đền bù thu hồi đất ngày 13/3/2001 đối với hộ ông Võ Văn Đ (BL 289-291) là người có thửa ruộng ở sát cạnh thửa ruộng của ông Đoàn Th, được bồi Thường khi làm đường mòn Hồ Chí Minh (hai biên bản này hoàn toàn giống nhau về các mục, chỉ khác nhau về diện tích và số L tài sản được bồi Thường). Do vậy, cấp sơ thẩm đưa tài liệu này vào hồ sơ vụ án để xem xét, đánh giá là có căn cứ và có đủ căn cứ để khẳng định rằng việc ông Đoàn Th nhận số tiền 2.596.000đ là tiền bồi Thường diện tích 742m² đất ruộng lúa vào năm 2002 đúng như Bản đền bù thu hồi đất ngày 05/5/2002 (bản phô tô) do ông L xuất trình. Tuy nhiên, biên Bản đền bù này không thể hiện việc vị trí thửa ruộng của ông Th được đền bù là ở đâu.

[2.12] Về ý kiến của phía ông Đoàn Th cho rằng nhận số tiền 2.596.000đ, là tiền đền bù hai thửa ruộng công ích của xã Ph ở đập Tr và đập Cửa Đ diện tích 742m² do UBND xã Ph nhờ ông Th đứng tên hộ để hợp thức hóa hồ sơ, ông Th nhận tiền rồi nộp lại cho ngân sách xã, Hội đồng xét xử xét thấy: Về số tiền và diện tích thì như đã phân tích ở trên bản thân ông Đoàn Th thừa nhận có nhận số tiền 2.596.000đ tương ứng với số diện tích là 742m². Phía bị đơn cũng như đại diện

UBND xã Ph và UBND huyện H cũng thừa nhận, do vậy đây là sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đại diện UBND huyện H, UBND xã Ph, người làm chứng ông Phạm Xuân L (nguyên Chủ tịch UBND xã Ph thời điểm năm 1989 đến năm 2004) đều khẳng định theo quy định thì đất công ích của xã thì không được bồi Thường khi làm dự án đường mòn Hồ Chí Minh. Do đó, về mặt pháp lý thì sẽ không có việc đất công ích của xã Ph được bồi Thường khi làm đường mòn Hồ Chí Minh. Còn về mặt thực tế ông Đoàn Thcho rằng, UBND xã Ph nhờ ông đứng tên để hợp thức hóa hồ sơ để nhận số tiền 2.596.000đ tương đương với phần diện tích 742m² sau đó ông Th nộp số tiền đã nhận về cho UBND xã. Hội đồng xét xử xét thấy, nếu có việc hợp thức hóa hồ sơ, thì cũng phải có hồ sơ phản ánh thì mới có thể nhận tiền bồi Thường. Tuy nhiên, theo danh sách do UBND huyện H cung cấp, thì số thửa đất của hộ ông Đoàn Thđược bồi Thường khi làm đường mòn Hồ Chí Minh là 04 thửa (BL 274-277), và diện tích mỗi thửa lần lượt là 596m², 410m², 40m², 742m², như vậy không có 02 thửa đất nào có tổng diện tích được bồi Thường 742m² như ông Th phản ánh. Mặt khác ông Th chỉ thừa nhận việc nhận số tiền 2.596.000đ, mà không đưa ra chứng cứ tài liệu nào khác để chứng minh số tiền 2.596.000đ là tiền đền bù hai thửa ruộng công ích của xã Ph ở đập Tri Bích và đập C với diện tích 742m², ông Th cho rằng nhận tiền thay rồi nộp lại cho UBND xã, nhưng không nêu được nhận tiền từ ai, sau đó nộp lại tiền về cho UBND xã thông cho ai, để Hội đồng xét xử có căn cứ xem xét, đánh giá. Do vậy, có đủ căn cứ để khẳng định hoàn toàn không có việc UBND xã Ph nhờ ông Đoàn Thđứng tên hộ để làm thủ tục hợp thức hóa, nhận số tiền 2.596.000đ đền bù hai thửa ruộng công ích của xã Ph ở đập Tri B và đập Cửa Đ diện tích 742m² trong quá trình giải phóng làm đường mòn Hồ Chí Minh như phía bị đơn ông Đoàn Th trình bày.

[2.13] Về vị trí thửa ruộng ông Đoàn Th được bồi Thường, xét thấy: Mặc dù tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Th khẳng định khi tiến hành làm đường mòn Hồ Chí Minh thì thửa ruộng ông Đoàn Thtại xứ C không bị ảnh hưởng và không được bồi Thường, nhưng tại cấp sơ thẩm khi tiến hành lấy lời khai trực tiếp với ông Đoàn Th và bà Nguyễn Thị L (vợ ông Th) thì cả hai đều thừa nhận khi làm đường mòn Hồ Chí Minh thì có ảnh hưởng đến phần diện tích ruộng của ông Th tại xứ Cvà có được bồi Thường (BL 104-105).

Theo các sơ đồ thu hồi đất thì trong số 04 thửa đất của gia đình ông Th được bồi Thường thì có 01 thửa có diện tích 742m², đúng với diện tích mà ông Th thừa nhận được bồi Thường; mặt khác sơ đồ thu hồi đất (BL 111-112) thể hiện vị trí bồi Thường đất là phần ruộng của ông Th ngay tại Ngã ba Ph (khu vực Cồn Hoang), tiếp giáp với phần diện tích đất của ông Trần Gia L, chính là phần đất mà hiện nay ông Th cho rằng còn quyền sử dụng đối với 166m² đất ruộng lúa.

Người làm chứng ông Võ Văn Đ có mảnh ruộng nằm tiếp giáp với ruộng của ông Đoàn Thtrình bày thì khi làm đường mòn Hồ Chí Minh ông có được bồi Thờng đối với phần diện tích đất của mình giáp với ruộng lúa của ông Th ở khu vực Cồn Hoang, với diện tích là 870m², đúng bằng diện tích của ông Đường thể hiện trong sơ đồ (BL 111-112), kèm theo lời khai ông Đường còn xuất trình toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc bồi Thờng của ông tại khu vực C(BL 289-299). Điều đó chứng tỏ có việc các hộ dân có tên trong sơ đồ (trong sơ đồ thể hiện ông Đoàn Th có diện tích 742m²) đã được đền bù số diện tích đất tại khu vực ngã ba Ph, đúng bằng diện tích đất có trong sơ đồ khi làm đường mòn Hồ Chí Minh.

Từ những nội dung trên có đủ cơ sở để khẳng định số tiền 2.596.000đ ông Đoàn Th đã nhận là số tiền bồi Thờng toàn bộ phần diện tích đất ruộng lúa của ông Đoàn Th tại khu vực C khi làm đường mòn Hồ Chí Minh (phần diện tích ông Đoàn Th được bồi Thờng là 742m², đã vượt quá phần diện tích ông Th khai nhận về thửa ruộng của ông tại Cồn H, ông Th khai nhận ruộng tại C của ông được cấp năm 1991 có diện tích là 1 sào 5 Thốc, tương đương 666m²). Do vậy, có căn cứ để khẳng định phần diện tích đất tranh chấp 126,4m² được xác định bởi các điểm 6, 7, 9, 10 theo sơ đồ xem xét thẩm định (BL 184b), không còn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đoàn Th.

[2.14] Vì phần diện tích đất đang tranh chấp 126,4m² trên, được xác định là phần đất đã được bồi Thờng cho ông Đoàn Th khi tiến hành làm đường mòn Hồ Chí Minh, nên Hội đồng xét xét thấy cần giao lại phần diện tích đất này về cho UBND xã Ph để quản lý theo thẩm quyền như nhận định của cấp phúc thẩm là hoàn toàn phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì mới để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm các bên đương sự không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[4] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí, tuy nhiên đều là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Gia L, kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 157; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 169 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, khoản 1 Điều 203; Điều 157, 166, 170 Luật đất đai; Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Gia L, bà Nguyễn Thị L

2. Ông Trần Gia L, bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng phần diện tích đất 233,3m² được xác định bởi các điểm 4,6,10,12 theo sơ đồ thẩm định. Buộc ông Đoàn Thphải dời dụn, tháo dỡ ngôi nhà gỗ 09 cột, được Thng bằng ván, lợp Frô-xi măng, nền đất, nằm trên phần diện tích đất này.

Ông Trần Gia L, bà Nguyễn Thị L được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Giao UBND xã Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh quản lý sử dụng phần diện tích đất 126,4m² được xác định bởi các điểm 6,7,9,10 theo sơ đồ thẩm định.

(Có sơ đồ kèm theo Bản án)

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu tổng số tiền 5.148.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này, nay bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.574.000đ.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho các đương sự.

6. Quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện H
- Chi Cục THA huyện H;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

Trương Thị Lệ Thu

